

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 36

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,
Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thái Hòa	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Ủy viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Minh Thoa	Thành viên
Bà Lê Nguyễn Thùy Giang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Thái Hòa	Giám đốc
Ông Phạm Thái Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASCO - Chi nhánh Hà Thành.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

Số: 105/2019/ASCO HT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14/03/2020, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019, một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền: 8.553.687.326 đồng chưa được công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Đây là các khoản nợ phải thu khó đòi thuộc diện phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với mức trích lập 100% giá trị theo quy định tại thông tư 48/2019/TT-BTC.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Xuân Bách

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3939-2019-149-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

Đàm Xuân Tùng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3976-2017-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.201.758.280	114.361.986.422
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.699.520.240	503.450.783
Tiền	111		699.520.240	503.450.783
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.179.931.507	36.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	27.179.931.507	36.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.374.273.995	64.300.905.023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	25.990.074.359	18.495.219.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.086.446.482	1.763.791.418
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	33.149.596.957	49.300.799.847
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.851.843.803)	(5.258.905.868)
Hàng tồn kho	140	9	16.442.666.063	12.521.570.138
Hàng tồn kho	141		16.442.666.063	12.521.570.138
Tài sản ngắn hạn khác	150		505.366.475	336.060.478
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	505.366.475	336.060.478
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.605.290.092	22.311.923.321
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.873.849.100	4.873.849.100
Phải thu dài hạn khác	216	7	4.873.849.100	4.873.849.100
Tài sản cố định	220		11.120.663.223	11.666.301.813
Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.120.663.223	11.666.301.813
- Nguyên giá	222		22.971.115.815	22.934.752.179
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.850.452.592)	(11.268.450.366)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.005.546.568	3.024.769.905
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.005.546.568	3.024.769.905
Tài sản dài hạn khác	260		2.605.231.201	2.747.002.503
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.605.231.201	2.747.002.503
TỔNG TÀI SẢN	270		130.807.048.372	136.673.909.743

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		35.761.136.204	41.431.653.915
Nợ ngắn hạn	310		35.761.136.204	41.431.653.915
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	12.566.417.633	14.526.552.550
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		627.482.000	400.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.835.238.926	1.719.531.029
Phải trả người lao động	314		4.679.284.556	2.488.661.590
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	13.929.757.600	16.195.970.617
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		275.610.454	658.866.363
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.799.350.556	5.169.176.287
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		99.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		47.895.479	272.895.479
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.045.912.168	95.242.255.828
Vốn chủ sở hữu	410	17	95.045.912.168	95.242.255.828
Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.772.877.827	4.969.221.487
TỔNG NGUỒN VỐN	440		130.807.048.372	136.673.909.743



Bùi Thái Hòa
Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

houng

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền

Phạm Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	72.354.771.038	100.491.460.449
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		72.354.771.038	100.491.460.449
Giá vốn hàng bán	11	19	61.895.188.075	88.699.088.578
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.459.582.964	11.792.371.871
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.075.610.938	2.167.702.714
Chi phí tài chính	22	21	75.994.230	14.405.751
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>75.994.230</i>	<i>14.405.751</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	6.986.774.492	7.561.849.508
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.472.425.180	6.383.819.326
Thu nhập khác	31		-	90.909
Chi phí khác	32	23	94.858.803	130.706.701
Lợi nhuận khác	40		(94.858.803)	(130.615.792)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.377.566.377	6.253.203.534
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.105.285.036	1.283.982.047
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.272.281.340	4.969.221.487
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	478	556



Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.377.566.377	6.253.203.535
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	581.977.788	581.977.788
Các khoản dự phòng	03	592.937.935	540.000.000
Lãi hoạt động đầu tư	05	(2.075.610.938)	(2.167.702.714)
Chi phí lãi vay	06	75.994.230	14.405.751
Các điều chỉnh khác	07	-	200.982.385
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.552.865.392	5.422.866.745
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	2.959.735.375	(3.109.638.651)
Tăng hàng tồn kho	10	(3.921.109.925)	3.904.800.356
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.766.919.700)	2.673.918.736
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12	(27.534.695)	(480.301.945)
Tiền lãi vay đã trả	14	(75.994.230)	(14.405.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.783.982.047)	(1.626.041.454)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	29.213.356	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(417.045.000)	(208.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.450.771.474)	6.562.698.036
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.379.931.507)	(71.868.430.556)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.900.000.000	67.168.430.556
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.075.610.938	248.102.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.595.679.431	(4.451.897.356)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	24.018.029.215	8.027.532.274
Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.017.930.215)	(8.027.532.274)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.948.937.500)	(5.870.208.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.948.838.500)	(5.870.208.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.196.069.457	(3.759.408.070)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	503.450.783	4.262.858.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	3.699.520.240	503.450.783



Bùi Thái Hòa
Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0103022798 ngày 07/03/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi các lần và lần thay đổi thứ mười bốn ngày 26 tháng 10 năm 2017, mã số doanh nghiệp 0102680481.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 89.372.500.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Bùi Thái Hòa, sinh ngày 12/09/1978, quốc tịch Việt Nam, chứng minh nhân dân số 013303717 do Công an Thành phố Hà nội cấp ngày 12/06/2010, chức vụ: Giám đốc.

Tại ngày 01/01/2019 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 269 người, tại ngày 31/12/2019 là 279 người.

Địa chỉ Công ty: Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Buôn bán, cho thuê máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Buôn bán sắt, thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, ;
- Lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý cung cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất đồ gia kim hoàn và chi tiết liên quan;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với số liệu trong Báo cáo tài chính năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.2 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả, khoản vay tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/TT – BTC ngày 22/12/2014 về Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 48/2019/TT – BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT – BTC ngày 28/06/2013. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể khó thu hồi do khách nợ mất khả năng thanh toán.

Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 146/2016/TT-BTC

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5
Tài sản cố định khác	4 - 15

3.7 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian ước tính đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty và thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 CÁC KHOẢN CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu (trừ các ảnh hưởng thuế) được ghi giảm trừ thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)*****Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.12 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Giá vốn dịch vụ được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.13 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

3.14 THUẾ***Thuế giá trị gia tăng (VAT):***

Thuế GTGT đầu vào được kê khai và hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả phải nộp khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,

Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	524.485.619	301.289.441
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	175.034.621	202.161.342
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
	<u>3.699.520.240</u>	<u>503.450.783</u>

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (**)	5.179.931.507	18.000.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (***)	17.000.000.000	13.700.000.000
	<u>27.179.931.507</u>	<u>36.700.000.000</u>

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,7%/năm.

(**) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,1%/năm.

(***) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 6,8%/năm đến 7,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	25.990.074.359	18.495.219.626
- Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương	1.131.104.236	1.131.104.236
- Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT	1.944.300.000	1.944.300.000
- Tổng Công ty Đầu Tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	8.521.462.241	-
- Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Đường Cao tốc Việt Nam	2.841.593.332	-
- Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Quảng Tây Trung Quốc	1.191.713.133	1.191.713.133
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và Thương mại TLC	2.299.310.959	2.299.310.959
- Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	2.210.951.982	3.820.557.635
- Tổng công ty Xây dựng số 1-TNHH một thành viên	1.681.013.750	4.125.691.083
- Công ty cổ phần Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco	2.498.964.146	2.552.550.000
- Đối tượng khác	1.669.660.580	1.429.992.580
	25.990.074.359	18.495.219.626
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	11.363.055.573	-
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	8.521.462.241	-
- Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Đường Cao tốc Việt Nam	2.841.593.332	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	33.149.596.957	(3.244.993.142)	49.300.799.847	(3.244.993.142)
- Tạm ứng	865.394.018	-	707.005.672	-
- Công ty CP Chứng khoán Tràng An (*)	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Phải thu Doanh thu trích trước	27.280.046.314	-	40.106.890.320	-
<i>Tổng Công ty xây dựng số 1-TNHH một thành viên (**)</i>	<i>12.009.869.388</i>	-	<i>19.579.251.954</i>	-
<i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (***)</i>	<i>14.831.115.377</i>	-	<i>20.486.807.273</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Đường cao tốc Việt Nam (****)</i>	<i>439.061.549</i>	-	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	992.827.849	-	870.452.193	-
- Phải thu Ông Bảo Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa (*****)	766.335.634	-	4.366.335.634	-
- Phải thu khác	45.215.364	(45.215.364)	50.338.250	(45.215.364)
Dài hạn	4.873.849.100	-	4.873.849.100	-
- Phải thu về hợp tác kinh doanh	4.873.849.100	-	4.873.849.100	-
<i>Công ty CP Khoáng sản XD Bắc Trung Nam</i>	<i>3.873.849.100</i>	-	<i>3.873.849.100</i>	-
<i>Công ty CP Tập đoàn K-MS</i>	<i>1.000.000.000</i>	-	<i>1.000.000.000</i>	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-	-
	38.023.446.057	(3.244.993.142)	54.174.648.947	(3.244.993.142)
Phải thu khác là các bên liên quan	15.270.176.926	-	20.486.807.273	-
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	14.831.115.377	-	20.486.807.273	-
- Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Đường cao tốc Việt Nam	439.061.549	-	-	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(*) Là khoản tiền chuyển nhượng 15.000.000 có phần của Công ty CP Fortika Trung Yên theo hợp đồng số 27122011/HĐCNCP/DCT-TAS kí kết giữa Công ty và Công ty CP Chứng khoán Tráng An. Tuy nhiên, Công ty CP Chứng khoán Tráng An không chuyển nhượng có phần theo điều khoản hợp đồng. Công ty Cổ phần Chứng khoán Tráng An đã phá sản.

Ngày 07, 08 và ngày 10/01/2019, toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử ông Lê Hồ Khôi – Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Tráng An và đồng bọn về tội chiếm đoạt tài sản và tuyên phạt 18 năm tù. Do đó, việc khởi kiện ông Lê Hồ Khôi trong vụ án dân sự khi đang thụ án hình sự là rất khó và không khả thi để thu hồi số tiền nói trên.

(**) Là khoản phải thu phát sinh do sản lượng công việc đã hoàn thành đang chờ thanh toán từ Tổng Công ty xây dựng số 1-TNHH một thành viên của công ty trình thi công xây lắp trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi: 195.529.386 đồng và công trình đường ven biển Hải Phòng: 11.814.340.002 đồng.

(***) Là khoản phải thu phát sinh do công tác vận hành, bảo trì và thu phí 2 tuyến Nội Bài – Lào Cai và tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi đang chờ Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, VEC phê duyệt quyết toán các năm 2015 – 2019.

(****) Là khoản phải thu phát sinh do công tác vận hành, bảo trì và thu phí tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi đang chờ VEC – O&M phê duyệt quyết toán năm 2019.

(*****) Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 01-2012/11DCTVN-HDB ngày 20/11/2011 và Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 05-2012/DCTVN-HDB ngày 21/05/2015 tại ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo. Số tiền lãi dự thu đến ngày 31/12/2014 là 766.335.634 đồng (lãi suất 12%/năm).

HN
C
T
KIỂM
TOÁN

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	14.405.531.129	(5.851.843.803)	14.459.116.983	(5.258.905.868)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD và TM TLC (*)	2.299.310.959	(424.827.204)	2.299.310.959	(194.896.108)
- Công ty TNHH Quảng Cáo truyền thông và Thương mại AT (**)	1.944.300.000	-	1.944.300.000	-
- Ông Bảo Việt Trung & Bà Đoàn Lệ Hoa	766.335.634	-	766.335.634	-
- Công ty TNHH Thương mại Như Nguyễn	123.477.864	(123.477.864)	123.477.864	(123.477.864)
- Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn NHB	-	-	-	-
- Công ty CP SXKD VL xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	(1.454.828.918)	1.454.828.918	(1.454.828.918)
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng & BĐS Thái Bình Dương (***)	1.131.104.236	(209.104.030)	1.131.104.236	(95.993.606)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco (****)	2.498.964.146	(249.896.415)	2.552.550.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Việt	68.118.908	(68.118.908)	68.118.908	(68.118.908)
- Công ty CPĐT và XNK Mỹ Sơn	797.500.000	-	797.500.000	-
- Công ty TNHH một thành viên 319.5	121.812.686	(121.812.686)	121.812.686	(121.812.686)
	14.405.531.129	(5.851.843.803)	14.459.116.983	(5.258.905.868)

(*) Công ty đã ký hợp đồng thuê tư vấn luật khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại TLC nhằm thu hồi khoản công nợ này. Năm 2017 đã có phán quyết của tòa án. Năm 2018 cơ quan thi hành án phải ra quyết định số 31/QĐ-CC.THANDS ngày 07/08/2018 vì chưa có điều kiện thi hành án. Do vậy, đến nay vẫn chưa thu hồi được khoản tiền nào.

(**) Công ty đang nỗ lực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ.

(***) Công ty đã thuê tư vấn luật, chuẩn bị hồ sơ khởi kiện Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng & BĐS Thái Bình Dương nhằm thu hồi khoản công nợ này.

(****) Công ty đã gửi đơn ra Chi cục thi hành án quận Thanh Xuân yêu cầu thi hành án đối với Công ty CP Thiết bị GTVT Vietraco nhưng chưa có kết quả. Trong năm, Công ty CP Thiết bị GTVT Vietraco đã trả thêm cho VECS 53.549.995 đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.442.666.063	-	12.521.570.138	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến Nội Bài - Lào Cai	4.728.068.382	-	-	-
- Giá trị hàng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (*)	6.885.175.173	-	6.885.175.173	-
- Đàm bảo ATGT, phân cách giữa, chống lóa A5,A7 (Quảng Tây)	1.783.748.464	-	1.783.748.464	-
- Thu phí Cầu Thái Hà (Tỉnh Thái Bình)	78.674.000	-	78.674.000	-
- Xây dựng Trạm dịch vụ Bắc Quảng Ngãi	40.929.451	-	-	-
- Thị công Trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi	-	-	2.175.643.234	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến ĐN-QN từ Km 0 đến Km 65	741.917.834	-	-	-
- Vá ổ gà Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	602.792.707	-	26.027.182	-
- Thu phí Cao tốc ĐN-QN từ Km 65 - Km 131+500	1.581.360.052	-	1.572.302.085	-
	16.442.666.063	-	12.521.570.138	-

(*) Là chi phí thực hiện san lấp tạo mặt bằng tránh người dân tái chiếm để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ tại Cầu Giẽ - Ninh Bình phát sinh từ năm 2013. Dự án do Công ty Hanshin E&C làm chủ đầu tư và kết hợp với VECS để thực hiện. Tuy nhiên, ngày 16/07/2013 Công ty Hanshin E&C xin rút khỏi dự án. Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam chọn nhà đầu tư khác để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ. Ngày 25/06/2015, Công ty đã có Báo cáo số 120/BC-VECS gửi Tổng công ty kiến nghị được thanh toán phần chi phí trên. Công ty đã có Báo cáo số 4229/BC-VECS gửi Hội đồng thành viên Tổng công ty VEC kiến nghị thanh toán cho Công ty phần khối lượng đã thực hiện tại trạm dịch vụ Cầu Giẽ - Ninh Bình. Đến nay, Hội đồng thành viên Tổng công ty vẫn đang nghiên cứu phương án xử lý cho Công ty.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAMTầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,
Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	505.366.475	336.060.478
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	149.248.436	144.271.356
- Chi phí thuê văn phòng	319.665.442	191.789.122
- Phí Bảo lãnh ngân hàng	36.452.597	-
Dài hạn	2.605.231.201	2.747.002.503
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	146.824.017	390.386.078
- Phí Bảo lãnh ngân hàng	5.755.116	32.434.148
- Phân bổ chi phí san lấp mặt bằng mỏ Núi Cóc	1.532.443.457	1.532.443.457
- Công trình Biển quảng cáo Nội Bài - Lào Cai	119.746.071	167.873.680
- Công trình Biển quảng cáo Long Thành - Dầu Giây	25.834.257	25.834.257
- Thuế thuê đất của trung tâm ĐH Vĩnh Phúc	774.628.283	598.030.883
	3.110.597.676	3.083.062.981

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2019	15.195.244.504	593.630.364	5.414.447.583	78.656.217	1.652.773.511	22.934.752.179
- Mua trong năm	-	-	-	-	36.363.636	36.363.636
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
31/12/2019	<u>15.195.244.504</u>	<u>593.630.364</u>	<u>5.414.447.583</u>	<u>78.656.217</u>	<u>1.689.137.147</u>	<u>22.971.115.815</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2019	(6.148.836.802)	(336.795.897)	(3.389.294.091)	(78.656.217)	(1.314.867.359)	(11.268.450.366)
- Khấu hao trong năm (*)	-	-	(581.977.788)	-	(24.438)	(582.002.226)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
31/12/2019	<u>(6.148.836.802)</u>	<u>(336.795.897)</u>	<u>(3.971.271.879)</u>	<u>(78.656.217)</u>	<u>(1.314.891.797)</u>	<u>(11.850.452.592)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2019	9.046.407.702	256.834.467	2.025.153.492	-	337.906.152	11.666.301.813
31/12/2019	<u>9.046.407.702</u>	<u>256.834.467</u>	<u>1.443.175.704</u>	-	<u>374.245.350</u>	<u>11.120.663.223</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 2.317.456.868 đồng.

(*) Năm 2019, do không có doanh thu cho thuê Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc nên Công ty tạm ngừng trích khấu hao các tài sản tại khu vực này (trước đây Công ty cũng đã có văn bản xin ý kiến cục thuế HN tuy nhiên không có phản hồi). Năm 2020 sau khi hoàn tất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty sẽ hợp tác kinh doanh và có phát sinh doanh thu sẽ tiếp tục trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Xây dựng cơ bản dở dang

Hệ thống biển Quảng cáo Cầu Giẽ - Ninh Bình
Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc
Các hạng mục công trình khu dịch vụ Km171+500
đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
	3.005.546.568	3.005.546.568	3.024.769.905	3.024.769.905
	534.408.757	534.408.757	553.632.094	553.632.094
	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000
	2.461.337.811	2.461.337.811	2.461.337.811	2.461.337.811
	3.005.546.568	3.005.546.568	3.024.769.905	3.024.769.905

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Công ty Cổ phần Khoáng sản XD Bắc Trung Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 6
Công ty Cổ phần Xây lắp công nghiệp Nam Định
Công ty Cổ phần Xây lắp 898
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina Asphalt
Các đối tượng khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	3.500.000.000	3.500.000.000	3.794.586.473	3.794.586.473
	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209
	2.333.709.832	2.333.709.832	3.788.212.603	3.788.212.603
	2.696.615.332	2.696.615.332	2.383.930.207	2.383.930.207
	1.197.684.300	1.197.684.300	1.838.626.242	1.838.626.242
	803.748.960	803.748.960	686.537.816	686.537.816
	12.566.417.633	12.566.417.633	14.526.552.550	14.526.552.550

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	1.719.531.029	9.829.965.808	9.714.257.911	1.835.238.926
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	619.312.587	8.479.834.123	7.690.300.843	1.408.845.867
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.083.982.046	1.105.285.036	1.783.982.047	405.285.035
- Thuế thu nhập cá nhân	16.236.396	65.249.249	60.377.621	21.108.024
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	176.597.400	176.597.400	-
	1.719.531.029	9.829.965.808	9.714.257.911	1.835.238.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổ chức công tác VHBT tuyến Nội Bài - Lào Cai	788.253.269	-
Xây dựng Trạm dịch vụ tuyến Nội Bài - Lào Cai	922.300.124	823.690.472
Công trình đường ven biển Hải Phòng	12.161.639.389	15.372.280.145
Công trình hoạt động 7 CT Đà Nẵng -Quảng Ngãi	57.564.818	-
	13.929.757.600	16.195.970.617

Chi phí phải trả ngắn hạn là các khoản chi phí phải trả tương ứng với phần giá vốn trích trước khi Công ty thực hiện nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành trong quý 4/2019 với các nhà thầu phụ.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	67.724.269	49.435.317
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.731.626.287	5.119.740.970
+ Phải trả tiền cổ tức	967.045.675	1.143.508.175
+ Các khoản phải trả khác	764.580.612	3.976.232.795
	1.799.350.556	5.169.176.287

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thùy Dương	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Blue Point	11,19%	10.000.000.000	11,19%	10.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đông Đô	3,36%	3.000.000.000	3,36%	3.000.000.000
Ông Lương Quốc Việt	2,01%	1.800.000.000	2,01%	1.800.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân Vina	1,59%	1.417.500.000	1,59%	1.417.500.000
Các cổ đông khác	14,72%	13.155.000.000	14,72%	13.155.000.000
	100%	89.372.500.000	100%	89.372.500.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	89.372.500.000	900.534.341	6.457.057.385	96.730.091.726
- Lãi trong năm	-	-	4.969.221.487	4.969.221.487
- Trả cổ tức	-	-	(6.256.075.000)	(6.256.075.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(200.982.385)	(200.982.385)
31/12/2018	89.372.500.000	900.534.341	4.969.221.487	95.242.255.828
01/01/2019	89.372.500.000	900.534.341	4.969.221.487	95.242.255.828
- Lãi trong năm	-	-	4.272.281.340	4.272.281.340
- Trả cổ tức	-	-	(4.468.625.000)	(4.468.625.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
31/12/2019	89.372.500.000	900.534.341	4.772.877.827	95.045.912.168

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,

Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	89.372.500.000	89.372.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	89.372.500.000	89.372.500.000
- Lợi nhuận đã chia	(4.468.625.000)	(6.256.075.000)

17.4 CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17.5 CÁC QUỸ

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	900.534.341	900.534.341
	<u>900.534.341</u>	<u>900.534.341</u>

18. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu	72.354.771.038	100.491.460.449
- Doanh thu hoạt động xây lắp	8.858.483.616	48.608.949.433
- Doanh thu dịch vụ	63.496.287.422	51.882.511.016
	<u>72.354.771.038</u>	<u>100.491.460.449</u>
Doanh thu với các bên liên quan	53.369.589.922	51.343.536.862
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	45.801.807.162	51.343.536.862
- Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	7.567.782.760	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,

Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	7.390.065.104	42.678.891.362
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54.505.122.971	46.020.197.216
	61.895.188.075	88.699.088.578

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.075.610.938	2.167.702.714
	2.075.610.938	2.167.702.714

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	75.994.230	14.405.751
	75.994.230	14.405.751

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.426.208.872	4.139.230.608
Chi phí vật liệu quản lý	133.868.440	166.991.858
Chi phí đồ dùng văn phòng	144.126.870	147.755.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.790.304	172.790.304
Thuế phí, lệ phí	52.617.822	175.067.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.171.604.506	1.871.434.594
Chi phí bằng tiền khác	292.619.743	348.578.652
Chi phí dự phòng	592.937.935	540.000.000
	6.986.774.492	7.561.849.508

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi nộp tiền thuê đất	-	50.233.567
Chi phí khác	94.858.803	80.473.134
	94.858.803	130.706.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	133.868.440	3.210.436.948
Chi phí nhân công	31.380.075.907	25.809.014.396
Chi phí công cụ dụng cụ	801.446.366	534.194.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	582.002.226	581.977.788
Thuế, phí lệ phí	52.617.822	175.067.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.854.863.390	27.721.999.169
Chi phí khác bằng tiền	19.500.105.209	18.439.778.831
Chi phí dự phòng	592.937.935	540.000.000
	72.897.917.295	77.012.469.202

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.377.566.377	6.253.203.534
Các khoản chi phí không được khấu trừ	148.858.803	166.706.701
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	54.000.000	36.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	94.858.803	130.706.701
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	5.526.425.180	6.419.910.235
Thu nhập tính thuế	5.526.425.180	6.419.910.235
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.105.285.036	1.283.982.047
Chi phí thuế TNDN đơn vị đã tính	1.105.285.036	1.283.982.047

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.272.281.340	4.969.221.487
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.937.250	8.937.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	478	556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.699.520.240	503.450.783
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.179.931.507	36.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.148.126.398	71.962.862.901
	94.027.578.145	109.166.313.684
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	99.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	14.298.043.920	19.646.293.520
Chi phí phải trả	13.929.757.600	16.195.970.617
	28.227.900.520	35.842.264.137
Trạng thái ròng	65.799.677.625	73.324.049.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp)

Tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.298.043.920	-	14.298.043.920
Chi phí phải trả	13.929.757.600	-	13.929.757.600
	28.227.801.520	-	28.227.801.520
01/01/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	19.646.293.520	-	19.646.293.520
Chi phí phải trả	16.195.970.617	-	16.195.970.617
	35.842.264.137	-	35.842.264.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương	3.699.520.240	-	3.699.520.240
Các khoản đầu tư tài chính	27.179.931.507	-	27.179.931.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.274.277.298	4.873.849.100	63.148.126.398
	89.153.729.045	4.873.849.100	94.027.578.145
01/01/2019			
Tiền và các khoản tương	503.450.783	-	503.450.783
Các khoản đầu tư tài chính	36.700.000.000	-	36.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.089.013.801	4.873.849.100	71.962.862.901
	104.292.464.584	4.873.849.100	109.166.313.684

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1 Thông tin về các bên liên quan

Mối quan hệ với các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam

Cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam

Cùng nhà đầu tư

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.011.328.839	972.922.227
Lương và phụ cấp	1.011.328.839	972.922.227

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu với các bên liên quan	53.369.589.922	51.343.536.862
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	45.801.807.162	51.343.536.862
Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	7.567.782.760	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khác	15.270.176.926	20.486.807.273
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	14.831.115.377	20.486.807.273
Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	439.061.549	-
Phải thu khách hàng	11.363.055.573	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	8.521.462.241	-
Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	2.841.593.332	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28.2 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm ngày 31/12/2019.

28.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam đã được kiểm toán.



Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

